TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2025/DS – ST
Ngày: 22/9/2025
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng.

2. Bà Phạm Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2025/TLST- DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92c/2025/QĐXXST – DS ngày 20/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 124/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Thế N, sinh năm 1960 (Số CCCD: 083060004983).

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số H, khu phố G, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1968 (số CMND: 320642293) (vắng mặt); bà Đinh Thị Cẩm H1, sinh năm 1969 (số CMND: 320679016) (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày: Thông qua người quen giới thiệu, ngày 31/01/2020 ông N có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị Cẩm H1 vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất là 1,66%/tháng (thỏa thuận miệng), trả lãi và nợ gốc vào ngày 01/3/2020, mục đích vay để ông D và bà H1 làm kinh tế và lo chi phí sinh hoạt gia đình. Khi vay hai bên không có lập hợp đồng nhưng có làm "Biên nhận về việc nhận tiền". Khi giao nhận tiền vay ông D là người trực tiếp nhận tiền, tuy nhiên trước đó ông D có gọi thông qua bà H1 về nội dung khoản vay và được bà H1 đồng ý nên khi ký nhận ông D ký thay luôn cho bà H1 vì bà H1 đang đi nuôi con gái sinh con tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, ông D có giao cho ông N một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CO 827720, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS06819, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/7/2018, thửa đất số 555, tờ bản đồ số 8, diện tích 100m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre do bà Đinh Thị Cẩm H1 đứng tên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 01/3/2020 ông D, bà H1 không trả nợ cho ông N theo thỏa thuận nên ông N có liên hệ ông bà để yêu cầu trả nợ nhưng không được. Ông N đã cho ông D, bà H1 một thời gian để làm ăn kiếm tiền trả cho ông N nhưng ông D và bà H1 không có thiện chí trả nợ cứ hẹn từ lần này đến lần khác mà không trả nợ cho ông N. Vì vậy, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị Cẩm H1 liên đới trả cho ông N số tiền gốc đã vay là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Ông N yêu cầu ông D, bà H1 thực hiện trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ông N đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CO 827720, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS06819, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/7/2018, thửa số 555, tờ bản đồ số 8, diện tích 100m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre do bà Đinh Thị Cẩm H1 đứng tên cho ông D, bà H1 khi ông D, bà H1 thi hành xong khoản nợ trên.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị Cẩm H1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị Cẩm H1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà H1 là phù hợp.

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là văn bản có tiêu đề "Biên nhận về việc nhận tiền" đề ngày 31/01/2020 thể hiện nội dung như sau: "Tôi tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1968 cùng với bà Đinh Thị Cẩm H1, sinh năm 1969, đăng ký thường trú: 195D, ấp A, xã M, thành phố B. Chúng tôi có mượn của anh Phan Thế N số tiền 150.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời gian mượn: 01 tháng (ngày trả 01/3/2020), chúng tôi đã nhận đủ số tiền nêu trên, đồng ý ký tên vào biên nhận để làm bằng". Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho phía bị đơn là ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị Cẩm H1, tuy nhiên ông D và bà H1 vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời không có giao nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của ông D và bà H1 đối với yêu cầu của nguyên đơn ông N, cũng như không có giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn ông N đưa ra.

[3] Vì vậy, căn cứ vào Điều 91 và 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: có đủ căn cứ xác định ông D và bà H1 đã vay tiền của ông N số tiền vay theo văn bản có tiêu đề "Biên nhận về việc nhận tiền" đề ngày 31/01/2020 với số tiền là 150.000.000 đồng. Xét thấy, bản thân ông D và bà H1 là bên vay đã tham gia giao dịch về vay tiền với ông N nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền vay của mình là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc ông D và bà H1 phải liên đới hoàn trả cho ông N số tiền vay là 150.000.000 đồng vốn gốc là phù hợp với quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc ông N không yêu cầu tính lãi là sự tự nguyện của ông nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng xác định: ông D có giao cho ông N một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành: CO 827720, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS06819, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/7/2018, thửa đất số 555, tờ bản đồ số 8, diện tích 100m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long) do bà Đinh Thị Cẩm H1 đứng tên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Nay ông N cũng đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông D, bà H1 khi ông D, bà H1 thi hành xong khoản nợ 150.000.000 đồng nên trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc ông D và bà H1 phải chịu do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N được Tòa án chấp nhận, án phí ông D và bà H1 phải liên đới chịu là: 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thế N.

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị Cẩm H1 phải liên đới hoàn trả cho ông Phan Thế N số tiền vay là 150.000.000 đồng vốn gốc (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận ông Phan Thế N tự nguyện giao trả lại cho ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị Cẩm H1 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 555, tờ bản đồ số 8, diện tích 100m^2, tọa lạc xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành: CO 827720, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS06819, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/7/2018 cho bà Đinh Thị Cẩm H1 đứng tên khi ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị Cẩm H1 thực hiện xong nghĩa vụ trả số tiền vay nêu trên cho ông Phan Thế N.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị Cẩm H1 phải liên đới chịu án phí là 7.500.000 đồng (Bằng chữ: Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Phòng GĐ, KT, TT và THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Đạt